

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/DS-PT
Ngày: 28-02-2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Thanh V, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T2;

Địa chỉ: số A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Hiếu E – Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền:

2.1. Chị Chu Thị H – Trưởng Phòng tổ tụng Công ty Cổ phần T2 (theo Giấy ủy quyền ngày 27/5/2022) (vắng mặt);

2.2. Ông Trịnh Quang K – Giám đốc Khối pháp chế (vắng mặt);

Người được ủy quyền lại: Chị Trương Minh C – Nhân viên Khối pháp chế (theo Giấy ủy quyền ngày 01/9/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Tòa nhà M, Lô T Đường D, khu công nghệ cao, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH S (vắng mặt);
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H1 – Tổng Giám đốc;
 Địa chỉ: số A Đường A, Khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Trương Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Trương Thanh V trình bày:

Ngày 24/12/2020, anh có mua 01 máy giặt hiệu Toshiba của Công ty Cổ phần T2 tại điểm kinh doanh của công ty là cửa hàng Đ tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang) với giá 6.345.000 đồng; đến ngày 24/9/2021 thì máy hư không hoạt động được. Anh có báo cho cửa hàng Điện Máy X thì cửa hàng cho nhân viên xuống kiểm tra, sau đó nhân viên thông báo cho anh máy bị lỗi trong thời gian bảo hành nên cửa hàng Điện Máy X không thể can thiệp mà do nhân viên kỹ thuật của hãng T3 kiểm tra, sửa chữa. Anh có yêu cầu cửa hàng Đ hỗ trợ cung cấp 01 máy giặt để anh sử dụng tạm trong thời gian sửa chữa nhưng cửa hàng Điện Máy X thông báo không có chính sách hỗ trợ máy dùng tạm và hứa đơn đốc hãng T nhanh chóng sửa chữa. Ngày 28/10/2021, cửa hàng Điện Máy X đã đổi máy mới cho anh.

Ngày 29/10/2021, Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng huyện C có tiến hành hòa giải nhưng cửa hàng Điện Máy X không đồng ý bồi thường thiệt hại cho gia đình anh. Từ ngày 24/9/2021 đến ngày 28/10/2021 mọi sinh hoạt trong gia đình anh đều bị xáo trộn, anh phải thuê người giặt đồ trong 02 ngày thiệt hại số tiền 100.000 đồng.

Nay anh yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần T2 bồi thường cho anh số tiền thiệt hại về mặt kinh tế là 100.000 đồng do thuê người giặt quần áo trong hai ngày 27/10/2021, 28/10/2021 và bồi thường thiệt hại cho anh với số tiền 5.900.000 đồng bao gồm bồi thường tổn thất về tinh thần là 1.000 đồng, chi phí làm đơn khiếu nại lên Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chi phí làm đơn khởi kiện và chi phí đi lại. Tổng số tiền anh yêu cầu bồi thường là 6.000.000 đồng. Do trong thời gian máy giặt bị hư hỏng chờ bảo hành cửa hàng không hỗ trợ thay thế máy giặt khác cho anh sử dụng tạm theo đúng quy định.

Bị đơn Công ty Cổ phần T2, có đại diện là chị Chu Thị H và chị Trương Minh C thống nhất trình bày:

Về việc anh V có mua máy giặt hiệu Toshiba tại cửa hàng Điện Máy X như nội dung anh V trình bày là đúng. Tuy nhiên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ngay khi anh V thông báo Công ty Đ1 có cử người xuống kiểm tra máy giặt, thông báo tình trạng hư hỏng, cũng như trách nhiệm bảo hành và liên hệ với Công ty S nhưng do tình hình dịch bệnh Covid tại thời điểm tháng 9, tháng 10/2021 Nhà nước đang hạn chế đi lại nên hãng T cử

người xuống giải quyết cũng chậm hơn so với bình thường. Do Công ty S chậm đổi sản phẩm cho anh V nên Điện Máy X đã thỏa thuận với Công ty S đổi máy mới cho anh V vào ngày 28/10/2021 và anh V đồng ý. Trước khi đổi sản phẩm mới Điện Máy X có hỏi ý kiến của anh V và anh V đồng ý, sau khi đổi sản phẩm mới Công ty có hỏi ý kiến xem V đồng ý với sản phẩm mới hay không thì anh V đồng ý, chưa có ý kiến gì khác. Điện Máy X có yêu cầu anh V ký xác nhận về việc đổi sản phẩm mới cho khách hàng và khách hàng không có yêu cầu gì thêm thì anh V không ký.

Việc đổi lại sản phẩm mới cho anh V thì Công ty làm việc với hãng T và thống nhất Điện Máy X sẽ đổi máy cho anh V trước chứ không nằm trong chính sách bán hàng của Điện Máy X đối với khách hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S, có đại diện là bà Phan Thị Xiêm T1 trình bày:

Mặc dù Công ty TNHH S thông qua cửa hàng Đ đã đổi máy giặt bị hư hỏng cho anh V, tuy nhiên với tinh thần thiện chí của T, Công ty đồng ý với yêu cầu của anh V và Công ty S đồng ý bồi thường cho anh V theo yêu cầu khởi kiện của anh V để mong sớm kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Tường Thanh V thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần T2 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về mặt kinh tế là 100.000 đồng do thuê người giặt quần áo trong hai ngày 27/10/2021, 28/10/2021 và bồi thường thiệt hại với số tiền 5.900.000 đồng bao gồm bồi thường tổn thất về tinh thần là 1.000 đồng, chi phí làm đơn khiếu nại lên Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chi phí làm đơn khởi kiện và chi phí đi lại. Anh V không đồng ý với việc Công ty TNHH S bồi thường cho anh V.

Chị Trương Minh C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần T2 không đồng ý với yêu cầu của anh V.

Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b và g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 430, 432, 446, 447, 448 và Điều 449 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tường Thanh V.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2023, nguyên đơn anh Tường Thanh V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng

chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh, buộc Công ty Cổ phần T2 phải bồi thường cho anh số tiền là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: anh V yêu cầu bị đơn bồi thường 6.000.000 đồng gồm: chi phí mượn người giặt đồ hai ngày là 100.000 đồng; bồi thường tổn thất tinh thần là 1.000 đồng, chi phí khiếu nại 5.900.000 đồng. Xét hai bên có ký hợp đồng mua máy giặt hiệu Toshiba nhưng máy giặt hư trong thời gian bảo hành. Do Công ty Cổ phần T2 chậm khắc phục hư hỏng nên có thiệt hại xảy ra cho anh V là 100.000 đồng, anh V yêu cầu bồi thường là có căn cứ. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 1.000 đồng và chi phí khiếu nại 5.900.000 đồng, anh V không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh V, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty TNHH S vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ một phần. Bởi lẽ, khoản 1 Điều 445 Bộ luật Dân sự quy định: “*1. Bên bán phải bảo đảm giá trị sử dụng hoặc các đặc tính của vật mua bán; nếu sau khi mua mà bên mua phát hiện khuyết tật làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị sử*

dụng của vật đã mua thì phải báo ngay cho bên bán khi phát hiện ra khuyết tật và có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác, giảm giá và bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận anh V có mua máy giặt hiệu Toshiba tại cửa hàng Điện Máy X như nội dung anh V trình bày và việc hư hỏng của sản phẩm là có thật. Công ty Cổ phần T2 đã đổi sản phẩm khác cho anh V và thời gian thực hiện bảo hành chậm hơn do tình hình dịch bệnh Covid nên không đồng ý bồi thường. Tuy lý do Công ty Cổ phần T2 nêu ra do hoàn cảnh khách quan dẫn đến việc chậm bảo hành nhưng trong thời gian đổi sản phẩm mới anh V đã phải tìm cách khắc phục hậu quả do sản phẩm mua của Công ty không đảm bảo chất lượng. Tại Giấy xác nhận ngày 15/11/2021, bà Trần Thị Bé N xác định bà được anh V thuê giặt quần áo trong hai ngày 27/10/2021 và 28/10/2021 với số tiền là 100.000 đồng. Do Công ty Cổ phần T2 có lỗi do chậm trễ bảo hành sản phẩm theo hợp đồng mua bán với anh V và thiệt hại xảy ra cho anh V do sản phẩm không đảm bảo chất lượng là có thật nên anh V yêu cầu Công ty Cổ phần T2 bồi thường là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn thừa nhận có thiệt hại xảy ra cho anh V nhưng trách nhiệm bồi thường thuộc về Công ty TNHH S theo Hợp đồng mua bán nguyên tắc được ký kết giữa Công ty này và Công ty Cổ phần T2. Tuy nhiên, theo nội dung hợp đồng này (bản photo nhưng được bị đơn thừa nhận), nghĩa vụ bồi thường trong trường hợp sản phẩm bị thu hồi do bị lỗi thì Công ty TNHH S phải bồi thường tổn thất cho Công ty Cổ phần T2. Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty TNHH S đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của anh V nhưng anh không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận.

Đối với các thiệt hại khác như tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần là 1.000 đồng; chi phí đi lại, làm đơn khiếu nại, khởi kiện 5.900.000 đồng, anh V không có chứng cứ chứng minh nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Nhận thấy, kháng cáo của anh V là có cơ sở một phần nên cần sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: buộc Công ty Cổ phần T2 bồi thường cho anh V số tiền 100.000 đồng.

[3] Do sửa án sơ thẩm nên anh V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 432, Điều 445, Điều 446, Điều 447, Điều 448 và Điều 449 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Tường Thanh V. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Tường Thanh V.

Buộc Công ty Cổ phần T2 bồi thường cho anh V số tiền 100.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: H2 lại cho anh Tường Thanh V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018081 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Tường Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai thu số 0016239 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh đã thi hành xong án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương